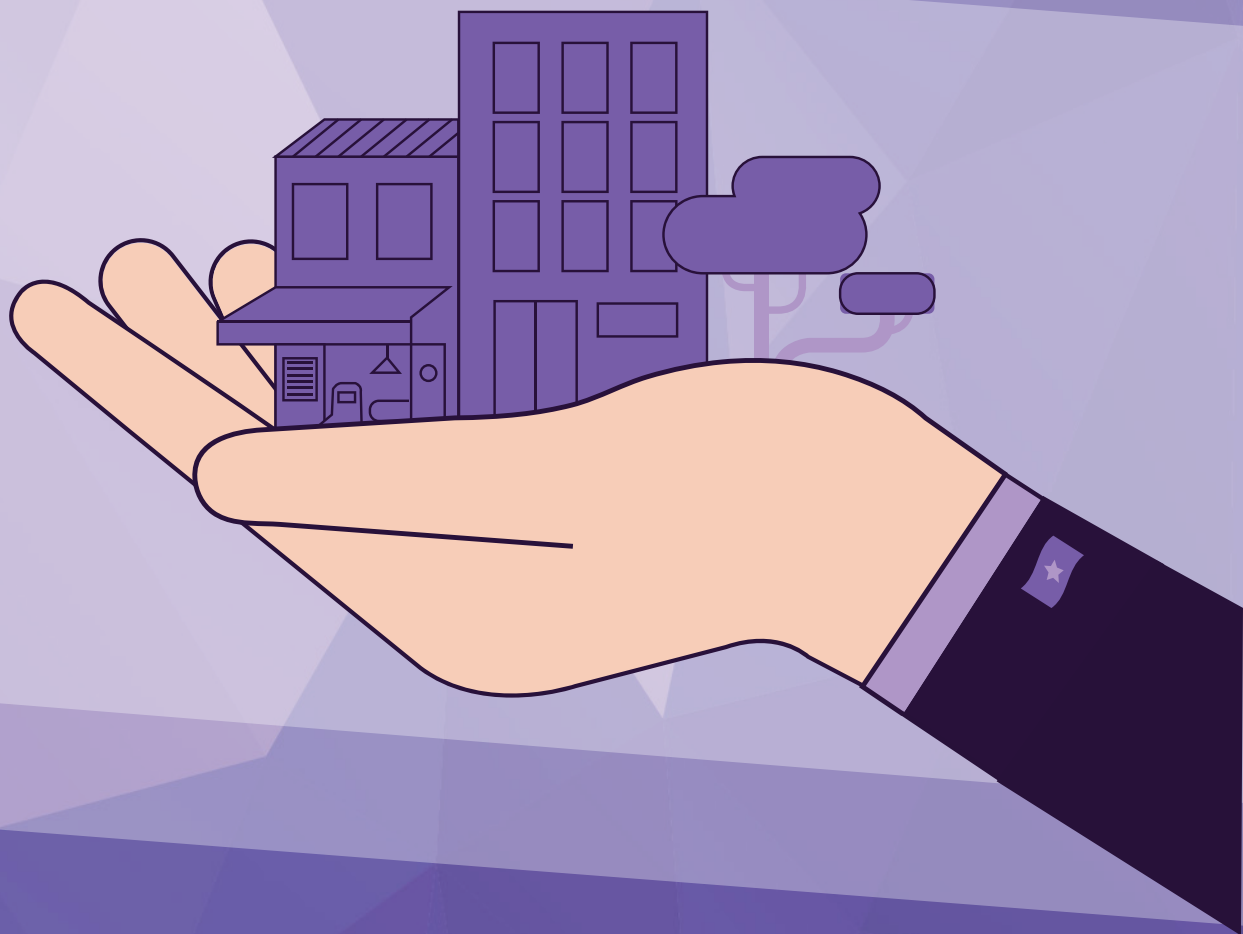


Báo cáo nghiên cứu
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM:
THỰC TRẠNG VÀ
KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH





DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Hà Nội, tháng 9 năm 2016

Quan điểm được thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm và chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc cũng như Ban Giám đốc Ngân hàng và các Chính phủ họ đại diện.

ADB và Chính phủ Úc không đảm bảo độ chính xác của dữ liệu trong ấn phẩm này và không nhận trách nhiệm đối với bất kỳ hệ quả gì từ việc sử dụng chúng. Khi nêu danh hoặc tham chiếu đến bất kỳ công ty hoặc sản phẩm cụ thể của nhà sản xuất nào trong tài liệu này, ADB và Chính phủ Úc không có ý định xác thực hoặc khuyến cáo cho các bên khác.

Khi nêu danh hoặc tham chiếu tới bất kỳ vùng lãnh thổ hoặc khu vực địa lý cụ thể nào, hoặc khi sử dụng từ “quốc gia” trong tài liệu này, ADB và Chính phủ Úc không có ý định đưa ra bất kỳ nhận định nào về tư cách pháp lý hoặc tư cách khác của vùng lãnh thổ hoặc khu vực địa lý đó.

Các từ viết tắt

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
HAWASME	Hội nữ Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa thành phố Hà Nội
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
MBI	Sáng kiến Hỗ trợ Khu vực Tư nhân Vùng Mekong
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
WB	Ngân hàng Thế giới
NSNN	Ngân sách nhà nước
BHXH	Bảo hiểm xã hội

MỤC LỤC

Mục lục	i
Danh mục bảng và phụ lục	ii
Lời cảm ơn	1
Tóm tắt	2
1. Giới thiệu	6
2. Mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu	8
2.1. Mục tiêu nghiên cứu	8
2.2. Phương pháp nghiên cứu	8
3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam	10
3.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa	10
3.2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ	11
3.3. Đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ	14
3.4. Những trở ngại chính của DNNVV do phụ nữ làm chủ	19
3.5. Khung pháp luật và thực thi chính sách về DNNVV do phụ nữ làm chủ	23
3.6. Nhận xét chung về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam	26
4. Khuyến nghị chính sách	28
4.1. Cơ sở cho các khuyến nghị	28
4.2. Khuyến nghị chính sách	30
Tài liệu tham khảo	34
Phụ lục	36

DANH MỤC BẢNG VÀ PHỤ LỤC

Bảng 1. Phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo ND 56/2009/NĐ-CP	10
Bảng 2: Một số định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ	13
Bảng 3: DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam theo quy mô và ngành nghề, 2013	15
Bảng 4: So sánh một số chỉ tiêu giữa DNNVV do phụ nữ và nam giới làm chủ năm 2013	17
Bảng 5: Chỉ tiêu hiệu quả của DNNVV do phụ nữ và nam giới làm chủ năm 2013	18
Phụ lục 1: Số lượng DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam theo ngành và quy mô, 2013	36
Phụ lục 2: Tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ theo từng ngành, 2013	36
Phụ lục 3: Danh sách các đơn vị tham gia phỏng vấn	37
Phụ lục 4: Danh mục văn bản pháp luật rà soát	37
Phụ lục 5: Danh mục văn bản pháp luật rà soát	38

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tiến hành trên cơ sở hợp tác giữa Dự án Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông (MBI), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Hiệp hội nữ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội (HAWASME).

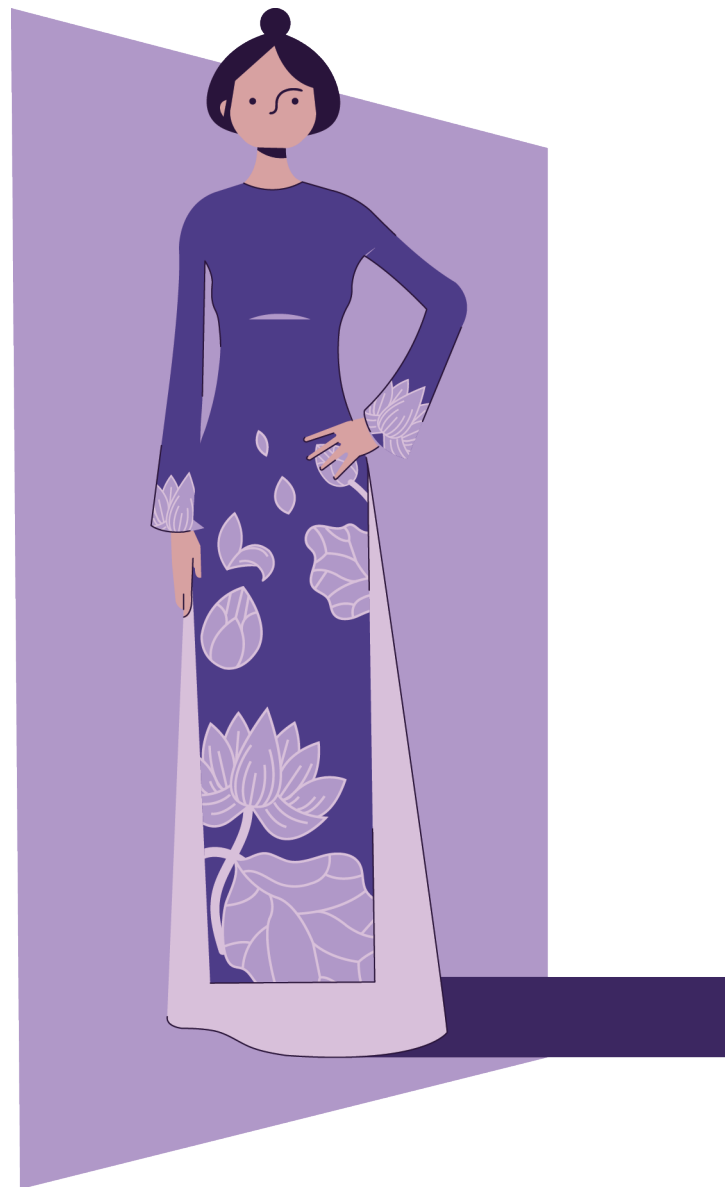
Nhóm chuyên gia thực hiện nghiên cứu bao gồm các ông Lê Quang Cảnh và Nguyễn Vũ Hùng, thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Các nội dung về khung pháp lý được hỗ trợ bởi chuyên gia bình đẳng giới, bà Nguyễn Thị Diệu Hồng, nguyên cán bộ Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, và chuyên gia quốc tế của Dự án Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông.

Để hoàn thành được nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn tới các cán bộ Dự án Sáng kiến hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mê Kông, đặc biệt là bà Từ Thu Hiền và Ngô Hồng Điệp về sự giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm nghiên cứu triển khai công việc, những đóng góp trong thảo luận và trong suốt quá trình hoàn thành nghiên cứu này. Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn tới Hội Nữ Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa thành phố Hà Nội, Hội Nữ Doanh nhân thành phố Hồ Chí Minh và Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân thành phố Cần Thơ đã phối hợp tổ chức các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm với các doanh nghiệp nữ trên địa bàn. Lời cảm ơn đặc biệt xin được gửi tới các nữ chủ doanh nghiệp đã dành thời gian quý báu tham gia các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn tại các địa phương và trực tiếp tham gia ý kiến đóng góp vào báo cáo này.

TÓM TẮT

Báo cáo này trình bày kết quả nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam nhằm cung cấp những cơ sở cho việc đề xuất chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp này phát triển. Những phát hiện và đề xuất của nghiên cứu này dựa trên: (i) ý kiến từ các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong các cuộc phỏng vấn, thảo luận nhóm và hội thảo về chính sách hỗ trợ cho DNNVV do phụ nữ làm chủ và DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ; và (ii) kết quả khảo sát doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê tiến hành. Các kết quả chính của nghiên cứu bao gồm:

Chưa có một định nghĩa chính thức về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam. Điều này gây khó khăn cho cả phía cơ quan quản lý và doanh nghiệp bởi không biết chính xác doanh nghiệp như thế nào là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Đây là một trở ngại cho việc xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp này nhằm thực hiện các mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020.



● **DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ.** Có tới 98,8% DNNVV do phụ nữ làm chủ là quy mô nhỏ và siêu nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chiếm tới 61,4%. Đặc điểm này cũng khá tương đồng với các đặc điểm của DNNVV do phụ nữ làm chủ ở các nước (IFC, 2014).

● **DNNVV do phụ nữ làm chủ có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam.** Kết quả nghiên cứu cho thấy DNNVV do phụ nữ làm chủ chiếm $\frac{1}{4}$ số DNNVV đang hoạt động ở Việt Nam, một tỷ trọng cao hơn nhiều so với các nước ở khu vực Nam Á, Trung Đông, Bắc Phi, và Cận Sahara.

DNNVV do phụ nữ làm chủ tập trung trong ngành dịch vụ (61,4%) một lĩnh vực sản xuất “xanh” hơn trong nền kinh tế; sử dụng nhiều lao động nữ hơn so với doanh nghiệp do nam làm chủ (43,4% so với 36%); Có suất đầu tư cho một việc làm thấp hơn (1,2 tỷ so với 1,7 tỷ/lao động); Nộp ngân sách bình quân lao động cao hơn (24,9 so với 24,2 triệu/lao động/năm); và thực hiện chính sách xã hội tốt hơn (nộp BHXH 36% so với 35%).

● **Chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ đã được ban hành nhưng không thể triển khai thực hiện.** Trên thực tế, Nghị định 56/2009/NĐ-CP về hỗ trợ phát triển DNNVV có đề cập tới hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020 cũng đã đề cập tới mục tiêu phát triển các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Tuy nhiên, những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ này chưa thể triển khai trong thực tế bởi vì: (i) Chưa có quy định/định nghĩa chính thức thế nào là DNNVV do phụ nữ làm chủ; (ii) Các cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành chính sách cho rằng doanh nhân nữ cũng là người lao động nên đã có Luật lao động và các văn bản luật khác quy định, còn DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng là DNNVV và được hưởng chính sách như là các DNNVV.

● **DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều trở ngại trong quá trình phát triển.** Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nhân nữ đều khẳng định thiếu kiến thức kỹ năng, thiếu thông tin thị trường, nguồn lực, xúc tiến thương mại, kỹ năng xây dựng và phát triển mạng lưới. Ví dụ, có 55% nữ chủ doanh nghiệp đề xuất cần hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức, chiếm tỷ lệ cao nhất trong

các đề xuất hỗ trợ (IFC, 2006); 33,8% nữ chủ DNNVV có trình độ từ Trung cấp trở xuống (Tổng cục Thống kê, 2014). Ngoài ra, doanh nhân nữ còn có những vấn đề riêng với giới nữ như cân bằng công việc kinh doanh và chăm sóc gia đình. Theo quan niệm truyền thống ở Việt Nam, phụ nữ là người chăm sóc giữ gìn hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái... Những hoạt động này chiếm thời gian đáng kể của nữ doanh nhân, làm hạn chế thời gian cho xây dựng quan hệ đối tác và mạng lưới kinh doanh.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu thực tiễn ở trong và ngoài nước, cơ sở lý luận về vai trò của giới trong phát triển, và cơ sở pháp lý... liên quan tới bình đẳng giới và hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ, nghiên cứu này đưa ra một số đề xuất:

- **Thứ nhất**, quy định/định nghĩa chính thức về DNNVV do phụ nữ làm chủ, làm cơ sở cho việc xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ. Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nên được xác định là “các doanh nghiệp có vốn sở hữu của phụ nữ chiếm ít nhất 26% và do phụ nữ quản lý điều hành hàng ngày” (Định nghĩa của IFC).

- **Thứ hai**, DNNVV do phụ nữ làm chủ được quy định là một đối tượng độc lập hưởng hỗ trợ của Luật hỗ trợ DNNVV. Chỉ khi là một đối tượng riêng được quy định trong văn bản pháp luật thì các

- **Vai trò của Hiệp hội nữ doanh nhân trong hỗ trợ phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ còn hạn chế.** Các hiệp hội chưa được coi là kênh thu nhận và truyền bá thông tin chính thức và chưa được hỏi ý kiến trong xây dựng các chương trình hỗ trợ, trợ giúp DNNVV và DNNVV do phụ nữ làm chủ. Nâng cao năng lực của các hiệp hội nữ doanh nhân là yêu cầu đặt ra, có tác động thúc đẩy sự phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ.

chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ mới rõ ràng và hướng đích.

- **Thứ ba**, xây dựng chương trình, chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Chương trình này tập trung hỗ trợ nữ doanh nhân khởi nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển theo nguyên tắc tận dụng các nguồn lực của các chương trình, quỹ hiện có bằng cách đảm bảo một tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ tham gia.

- **Thứ tư**, tăng cường vai trò của các hiệp hội nữ doanh nhân, câu lạc bộ nữ

doanh nhân. Nên hỗ trợ phát triển các đơn vị này thành cầu nối để triển khai các hỗ trợ của Nhà nước đối với các DNNVV do phụ nữ làm chủ.

● **Thứ năm**, vinh danh và ghi nhận đóng góp DNNVV do phụ nữ làm chủ. Về hình thức, Nhà nước cần đứng ra thực hiện định kỳ và công tâm, đảm bảo sự ghi nhận các đóng góp của phụ nữ trong phát triển DNNVV, góp phần ủng hộ thúc đẩy phụ nữ tham gia phát triển kinh tế xã hội, thực hiện thành công mục tiêu bình đẳng giới mà Việt Nam đã cam kết.

● **Thứ sáu**, giáo dục thế hệ trẻ về vai trò của doanh nhân nữ cũng như thái độ chia sẻ gánh nặng với doanh nhân nữ. Đây là giải pháp trong dài hạn nhưng cần được nghiên cứu triển khai. Nhà trường và xã hội giáo dục cho trẻ em (nhất là đối với trẻ em gái) để chúng hiểu và có thái độ trong chia sẻ gánh nặng với người phụ nữ. Từ đó, xây dựng một thế hệ doanh nhân nữ mới có trình độ, kiến thức, kỹ năng kinh doanh và có thái độ chuyên nghiệp không định kiến về doanh nhân nữ trong tương lai gần.



Việt Nam có thể hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ như thế nào?

- Định nghĩa DNNVV do phụ nữ làm chủ trong luật để họ có thể nhận được sự hỗ trợ từ Chính phủ;
- Hỗ trợ đào tạo và cung cấp thông tin và cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ;
- Hỗ trợ vay vốn;
- Hỗ trợ xúc tiến thương mại;
- Vinh danh những đóng góp của các DNNVV do phụ nữ làm chủ;
- Tăng cường vai trò của các hiệp hội nữ doanh nhân.



1. GIỚI THIỆU

Doanh nghiệp do nữ làm chủ đã và đang đóng góp đáng kể cho tăng trưởng kinh tế ở mỗi quốc gia. Các nghiên cứu gần đây cho thấy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có xu hướng tăng về số lượng nhanh hơn so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ và chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa (IFC, 2012). Theo Global Entrepreneurship Monitor (2012), có 6,3% phụ nữ trên thế giới trong độ tuổi lao động có tham gia các hoạt động quản lý doanh nghiệp, trong khi đó có 19% các DNNVV được quản lý bởi phụ nữ (BIS, 2013). Theo ước lượng của IFC (2011), có từ 31 đến 38% tổng số DNNVV trong khu vực chính thức ở các nền kinh tế mới nổi do phụ nữ làm chủ. Với tầm quan trọng của DNNVV do phụ nữ làm chủ, thúc đẩy sự hình thành và phát triển các doanh nghiệp này là xu hướng chung của các nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, phụ nữ và nữ doanh nhân đã được ghi nhận và khuyến khích tham gia các hoạt động kinh tế thông qua các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV và người lao động nữ. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11

được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2006 đã yêu cầu lồng ghép các nội dung bình đẳng giới vào các văn bản quy phạm pháp luật. Nghị định 56/2009/NĐ-CP cũng đặt ra vấn đề phải hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Các chính sách này đã bước đầu giúp tăng cường nhận thức về vai trò của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam.

Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đóng vai trò quan trọng trong tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, giảm đói nghèo, và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ở góc độ phát triển xã hội, các doanh nghiệp này góp phần tăng vị thế của phụ nữ, tăng đầu tư cho y tế, giáo dục của trẻ em nhất là các trẻ em gái, làm tăng lợi ích xã hội cũng như tiềm năng tăng trưởng kinh tế trong tương lai (Todaro và Smith, 2012). Sự tham gia của phụ nữ vào hoạt động kinh tế còn thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới. Theo nghĩa này, phát triển các DNNVV do phụ nữ làm chủ sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và các mục

tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam.

Tuy nhiên, các DNNVV do phụ nữ làm chủ có những bất lợi so với các doanh nghiệp do nam giới làm chủ; vì vậy có thể làm giảm đóng góp của các doanh nghiệp này cho tăng trưởng kinh tế cũng như phát triển xã hội. Chẳng hạn, nữ doanh nhân thường thiếu kỹ năng kinh doanh, khả năng tiếp cận nguồn lực và thị trường, giới hạn bởi định kiến xã hội, thiên hướng gia đình và khả năng xây dựng mạng lưới yếu (xem thêm trong IFC, 2011; OECD, 2014; Global Entrepreneurship

Monitor, 2012; và IFC, 2014b). Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó tăng cường sự đóng góp của các DNNVV do phụ nữ làm chủ đối với phát triển kinh tế và xã hội. Nghiên cứu này sẽ đề cập vấn đề trên và góp phần cung cấp thêm dẫn chứng quan trọng với các nhà quản lý nhằm ban hành các chính sách phù hợp thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp này trong bối cảnh Việt Nam.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chính của báo cáo này nhằm cung cấp các cơ sở cho việc đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam. Các mục tiêu cụ thể của nghiên cứu này bao gồm:

- Mô tả đặc điểm và vai trò của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ;
- Xây dựng căn cứ và đề xuất khuyến nghị chính sách phù hợp với thực tế nhằm thúc đẩy phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam.
- Tổng quan khung pháp lý và thực thi chính sách liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ;

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu đặt ra, báo cáo này sử dụng một số phương pháp nghiên cứu phù hợp, được áp dụng phổ biến trong các nghiên cứu tương tự và bối cảnh nghiên cứu ở Việt Nam cũng như trong phạm vi của dự án này:

- Rà soát các văn bản pháp luật liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ. Các văn bản pháp luật liên quan đến DNNVV và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được tiến hành rà soát bởi các chuyên gia trong nhóm nghiên cứu. Các nội dung văn bản được tổng hợp để xem xét các quy định và thực thi các quy định về DNNVV do phụ nữ làm chủ (xem thêm trong Phụ lục 5). Khung pháp lý được sử dụng làm cơ sở thiết kế nghiên cứu nhằm đạt tới mục tiêu của báo cáo này.
- Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

Các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được tiến hành để thu nhận ý kiến từ các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Các cuộc phỏng vấn sâu với cán bộ các sở, ban, ngành có liên quan được thực hiện để so sánh đối chứng. Tổng cộng, đã có 4 cuộc phỏng vấn cấp bộ (Vụ Bảo hiểm Xã hội và Vụ Bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tổng cục thuế); 6 cuộc phỏng vấn ở cấp sở, cục có liên quan bao gồm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Cục Thuế các địa phương; 11 cuộc phỏng vấn các chủ doanh nghiệp; và 3 cuộc thảo luận nhóm với các nữ chủ doanh nghiệp ở các địa phương. Các phỏng vấn và thảo luận này được tiến hành tại ba tỉnh/thành phố là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, những địa phương có nhiều DNNVV do phụ nữ làm chủ. Thêm vào đó, các tỉnh được lựa chọn vì là những tỉnh hiện có chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) từ mức khá đến tốt và rất tốt, thể hiện sự đa dạng về chất lượng dịch vụ hành chính công với doanh nghiệp (xem thêm trong VCCI và USAID, 2015).

- Thu thập ý kiến tham vấn từ các cơ

quan hữu quan. Các ý kiến được tổng hợp dùng để tham vấn với các Bộ, ngành liên quan, bao gồm Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thuế, và Bộ Công thương. Báo cáo cuối cùng được lấy ý kiến đóng góp và thảo luận từ hội thảo kỹ thuật với các DNNVV do phụ nữ làm chủ, các hiệp hội doanh nghiệp nữ, câu lạc bộ doanh nhân nữ đến từ hơn 20 tỉnh/thành phố trên toàn quốc và các cán bộ quản lý thuộc các Sở, ban, ngành có liên quan kể trên.

- Phương pháp phân tích thống kê cũng được sử dụng để mô tả đặc điểm của DNNVV do phụ nữ làm chủ và bổ sung các dẫn chứng thực nghiệm cho các nhận định từ kết quả phỏng vấn và thảo luận nhóm. Số liệu sử dụng cho phân tích thống kê được trích từ Khảo sát doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê tiến hành hàng năm. Trên cơ sở các ý kiến tổng hợp cùng một số phân tích bổ sung từ bộ số liệu Khảo sát doanh nghiệp, báo cáo đề xuất khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ, đồng thời phát huy tiềm năng và đóng góp của các DNNVV này ở Việt Nam.

3. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ Ở VIỆT NAM

3.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa

DNNVV ở Việt Nam được phân chia theo hai tiêu chí: tổng số lao động trung bình năm hoặc tổng nguồn vốn (hay tổng tài sản được xác định trong bảng kế toán của doanh nghiệp). Tiêu chí này được vận dụng khác nhau đối với ba khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp và xây dựng; và thương mại và dịch vụ. Bảng 1 mô tả chi tiết các nhóm doanh nghiệp này theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV.

Bảng 1. Phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định 56/2009/NĐ-CP

	Doanh Nghiệp siêu nhỏ		Doanh Nghiệp nhỏ		Doanh Nghiệp vừa
	Lao động	Nguồn vốn	Lao động	Nguồn vốn	Lao động
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 50 người	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 người đến 100 người

Nguồn: Trích từ Nghị định 56/2009/NĐ-CP

Theo các tiêu chí phân loại quy mô doanh nghiệp, DNNVV sẽ bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp có quy mô vừa. Ở Việt Nam, theo số liệu Khảo sát doanh nghiệp 2014, DNNVV chiếm tới 95,9% trong tổng số 415.656 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa lần lượt chiếm 65,2%, 29,3% và 1,4%. Các DNNVV tạo việc làm cho 5,6 triệu lao động, chiếm 48,3% tổng việc làm trong các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này có tổng nguồn vốn

là 7.488 ngàn tỷ đồng và hàng năm nộp ngân sách nhà nước khoảng 217,5 ngàn tỷ đồng (tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2014).

Theo quy định phân loại của Nghị định 56/2009/NĐ-CP, DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam cũng sẽ nằm trong ba nhóm quy mô kể trên. Vấn đề đặt ra là DNNVV do phụ nữ làm chủ được hiểu như thế trong bối cảnh Việt Nam và làm thế nào để thúc đẩy được sự phát triển của các doanh nghiệp này.

3.2 Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ

Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được hiểu khác nhau ở các quốc gia. Chẳng hạn ở Mỹ và Canada, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp có sở hữu của phụ nữ từ 51% trở lên và được điều hành hàng ngày bởi một hoặc nhiều phụ nữ. Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các nước này được chứng nhận bởi một tổ chức độc lập. Trong khi đó ở Anh, doanh nghiệp do phụ nữ quản lý là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ sở hữu. Kết hợp cả hai cách tiếp cận trên, ở Hàn Quốc, doanh

nh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp có vốn sở hữu của phụ nữ hoặc do phụ nữ quản lý điều hành và tỷ lệ sở hữu do Nghị định của chính phủ quy định.

Các tổ chức quốc tế cũng có những định nghĩa không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, IFC đã xây dựng định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là một doanh nghiệp có từ 51% tổng số vốn trở lên thuộc sở hữu của phụ nữ. Trong trường hợp số liệu không

cho phép thì có thể sử dụng định nghĩa “mở rộng”: (i) doanh nghiệp có từ 51% vốn trở lên thuộc sở hữu của một phụ nữ hoặc (ii) doanh nghiệp có 26% vốn trở lên thuộc sở hữu của phụ nữ và có ít nhất một phụ nữ tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp, có thể là giám đốc hoặc phó giám đốc (IFC, 2014a). Ở các nước Đông Nam Á (Cambodia, Indonesia, Myanmar, Philippines và Việt Nam) và Ấn Độ, khi nghiên cứu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ người ta thường sử dụng khái niệm được đề cập trong nghiên cứu của IFC (2014a).

Trong khi đó, theo Ngân hàng Thế giới

trong “Khảo sát doanh nghiệp”, có hai cách hiểu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ: (i) doanh nghiệp chỉ do phụ nữ làm chủ sở hữu, (ii) doanh nghiệp do phụ nữ quản lý điều hành. Định nghĩa này được sử dụng nhiều ở các nước châu Phi khi đề cập tới doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Ngoài ra, OECD (2012) cũng đưa ra một định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để tiến hành các nghiên cứu tương tự. Theo đó, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là các doanh nghiệp có toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của một phụ nữ duy nhất.

Bảng 2. Một số định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Tổ chức/quốc gia	Định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
Công ty Tài chính Quốc tế (IFC)	Doanh nghiệp có từ 51% tổng số vốn trở lên thuộc sở hữu của phụ nữ - Doanh nghiệp có từ 51% vốn trở lên thuộc sở hữu của một phụ nữ; hoặc - Doanh nghiệp có 26% vốn trở lên thuộc sở hữu của phụ nữ và có ít nhất một phụ nữ tham gia quản lý điều hành
Ngân hàng Thế giới (WB)	- Doanh nghiệp chỉ do phụ nữ làm chủ sở hữu - Doanh nghiệp do phụ nữ quản lý điều hành
Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)	Doanh nghiệp thuộc sở hữu của một phụ nữ duy nhất
Mỹ và Canada	Doanh nghiệp có sở hữu của phụ nữ từ 51% trở lên và được điều hành hàng ngày bởi một hoặc nhiều phụ nữ
Hàn Quốc	Doanh nghiệp có vốn sở hữu của phụ nữ HOẶC do phụ nữ quản lý điều hành (tỷ lệ sở hữu do Nghị định của chính phủ quy định)
Đông Nam Á	Sử dụng khái niệm của IFC khi nghiên cứu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
Châu Phi	Sử dụng khái niệm của Ngân hàng Thế giới khi nghiên cứu về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

Như vậy, có thể khẳng định có nhiều cách hiểu khác nhau về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Các nghiên cứu thường sử dụng định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phù hợp với bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu. Trong phạm vi của báo cáo này và căn cứ mức độ sẵn có của dữ liệu, khái niệm về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ được sử dụng theo định nghĩa của

Ngân hàng Thế giới, tức là doanh nghiệp do phụ nữ làm công tác quản lý điều hành hàng ngày. DNNVV do phụ nữ quản lý (giám đốc điều hành) sẽ được coi là các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Định nghĩa này sẽ được sử dụng để phân tích đặc điểm của DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam trong phần tiếp theo.

3.3. Đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ

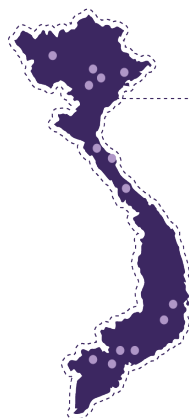
Ở Việt Nam, chưa có quy định cụ thể thế nào là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Các nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam hoặc được lồng ghép nghiên cứu đa phần là do IFC tài trợ và do đó thường sử dụng định nghĩa do IFC đưa ra. Trong phạm vi của báo cáo này, với sự sẵn có của số liệu khảo sát doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê tiến hành, DNNVV do phụ nữ làm chủ được hiểu theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới.

Điều này có nghĩa là DNNVV do phụ nữ làm quản lý (giám đốc điều hành) sẽ được coi là DNNVV do phụ nữ làm chủ.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, hiện có 25% các DNNVV do phụ nữ làm chủ trong số các DNNVV đang hoạt động ở Việt Nam năm 2013. Tỷ lệ này thay đổi theo chiều hướng tăng nhưng không đáng kể từ năm 2009 tới nay. Theo Khảo sát doanh nghiệp của Tổng cục thống kê, tỷ lệ này ở năm 2009 là 9,6%, năm 2011 là 24,9% và 25% ở năm 2013.

Về đặc điểm, các DNNVV do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam có một số điểm nổi bật sau:

DNNVV DO PHỤ NỮ QUẢN LÝ TẠI VN



25%

trong tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trung bình của Nam Á : 8%

- **DNNVV phụ nữ làm chủ thường tập trung ở các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ.** Có tới 98,8% số DNNVV do phụ nữ làm chủ có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, trong đó doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ chiếm 72%, các doanh nghiệp nhỏ còn lại chiếm 27% (xem thêm trong Phụ lục 1);

- **DNNVV do phụ nữ quản lý phần lớn thuộc lĩnh vực dịch vụ.** Trong tổng số DNNVV do phụ nữ làm chủ, có tới 61,4% số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp 37,6%, nông nghiệp chỉ có 1% (xem thêm các

ngành cụ thể ở trong Phụ lục 1). Nếu chia các doanh nghiệp thành 10 nhóm 10% theo số lao động tăng dần, tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có xu hướng giảm xuống (xem thêm trong Phụ lục 2);

- **Tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ giảm dần khi quy mô doanh nghiệp lớn dần.** Chẳng hạn, đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, có tới 26,8% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nhưng giảm chỉ còn 13,6% doanh nghiệp có quy mô lớn do phụ nữ làm chủ (Bảng 3).

Bảng 3: DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam theo quy mô và ngành nghề, 2013

	Siêu nhỏ	Nhỏ	Vừa	Lớn	Trung bình DNNVV
Nông nghiệp (%)	9,1	9,4	0,0	5,1	9,2
Công nghiệp (%)	22,0	17,8	12,8	11,2	20,2
Dịch vụ (%)	30,8	28,7	24,7	17,9	30,2
Trung bình (%)	26,8	21,4	19,8	13,6	25,0

Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

Lưu ý, trước năm 2011 khảo sát doanh nghiệp tiến hành chọn mẫu doanh nghiệp. Từ sau năm 2011, khảo sát mang tính tổng điều tra toàn bộ các doanh nghiệp và hợp tác xã. Chính vì vậy, tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ làm không đồng nhất giữa năm 2009 với các năm sau.

Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng tỷ lệ 25% doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ là khá ấn tượng nếu so với tỷ lệ trung bình ở các quốc gia Nam Á (8%), Trung Đông và Bắc Phi (14%), Cận Sahara (24%) (xem thêm trong IFC, 2014a).

Về vai trò, DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam hiện đang đóng một vai trò quan trọng, thể hiện ở những điểm sau:

- **Thứ nhất**, DNNVV do phụ nữ làm chủ chiếm một tỷ lệ đáng kể trong các DNNVV. Theo khảo sát doanh nghiệp do Tổng cục thống kê tiến hành, DNNVV do phụ nữ làm chủ chiếm 25% trong tổng số 373,162 DNNVV đang hoạt động tại Việt Nam ở năm 2013.

DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (DNNVV) DO PHỤ NỮ QUẢN LÝ TẠI VIỆT NAM



Sử dụng 43,4% lao động nữ

So với 36.0% trong các DN do nam giới làm chủ



Cần 1,2 tỉ Đồng để tạo 1 việc làm

So với 1.7 tỉ Đồng cho các DN do nam giới làm chủ



Cung cấp bảo hiểm xã hội cho 35.9% người lao động

So với 35.0% trong các doanh nghiệp do nam giới làm chủ

So với các doanh nghiệp có quy mô lớn do phụ nữ làm chủ, tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ lớn hơn gần gấp hai lần và kết quả này cũng đúng ở tất cả các ngành/lĩnh vực.

- **Thứ hai**, DNNVV do phụ nữ làm chủ giúp giải quyết việc làm cho người lao động hiệu quả hơn so với DNNVV do nam làm chủ. DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo việc làm cho hơn 1,63 triệu lao động, chiếm gần 14,5% tổng việc làm trong các DNNVV, trong đó có 746,3 ngàn lao động nữ, chiếm 15% tổng lao động nữ làm việc trong các DNNVV ở năm 2013. Điều đáng quan tâm là dù chỉ tạo ra 14,5% số việc làm trong các DNNVV, nhưng các DNNVV do phụ nữ làm chủ chỉ cần ít nguồn vốn hơn đáng kể để tạo việc làm so với các DNNVV do nam làm chủ (1,2 tỷ so với 1,7, xem thêm trong Bảng 4).

- **Thứ ba**, DNNVV do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ lao động nữ cao hơn so với các DNNVV do nam giới làm chủ. Số liệu khảo sát doanh nghiệp 2013 cho thấy DNNVV do nữ làm chủ sử dụng 43,4% là lao động nữ, so với DNNVV do nam

làm chủ là 36%. Tạo việc làm cho lao động cho lao động nữ không những đóng góp về mặt kinh tế mà còn có đóng góp về mặt xã hội khi giúp nâng

cao vị thế của phụ nữ, đảm bảo bình đẳng giới, và thúc đẩy đầu tư cho trẻ em gái.

Bảng 4: So sánh một số chỉ tiêu giữa DNNVV do phụ nữ và nam giới làm chủ năm 2013

	DNNVV do nữ làm chủ	DNNVV do nam làm chủ	Trung bình	Tỷ trọng (%)
Tổng số lao động (ngàn người)	1626,3	9605,5	11231,8	14,5
Tổng số lao động nữ (ngàn người)	746,3	4216,5	4962,8	15,0
Tổng nguồn vốn (ngàn tỷ đồng)	1929,1	16142,0	18071,1	10,7
Nộp ngân sách hàng năm (ngàn tỷ đồng)	61,8	557,1	618,9	10,0
Tổng thu nhập (ngàn tỷ đồng)	4,8	15,1	19,9	24,2
Vốn cho một việc làm (tỷ đồng)	1,2	1,7	1,6	

Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

● **Thứ tư**, DNNVV do phụ nữ làm chủ có đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước. DNNVV do phụ nữ làm chủ đã nộp ngân sách nhà nước khoảng 61,8 ngàn tỷ đồng trong năm 2013.

Đáng lưu ý là các DNNVV do phụ nữ làm chủ nộp ngân sách nhà nước tính trên một lao động cao hơn các DNNVV do nam làm chủ. Đây là một con số đáng kể, đặc biệt là nếu xét đến lĩnh vực hoạt động của các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Trên thực tế, các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ

(Bảng 3 và Phụ lục 3), một lĩnh vực tương đối “xanh” và quan trọng trong cơ cấu phát triển kinh tế hiện đại.

● **Thứ năm**, DNNVV do phụ nữ làm chủ đã tạo thu nhập đáng kể cho người lao động. Cụ thể, các doanh nghiệp này đã giúp tạo ra 4,8 ngàn tỷ đồng thu nhập cho người lao động, chiếm tới 24,2% tổng thu nhập của người lao động trong các DNNVV ở năm 2013.

Điều này càng khẳng định thêm tầm quan trọng của các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở cả góc độ kinh tế và đóng góp xã hội.

Bảng 5: Chỉ tiêu hiệu quả của DNNVV do phụ nữ và nam giới làm chủ năm 2013

	Doanh nghiệp do nam làm chủ	Doanh nghiệp do nữ làm chủ	DNNVV do nữ làm chủ		
			Siêu nhỏ	Nhỏ	Vừa
Tổng số doanh nghiệp	279,938	94,221	66,821	25,278	1,125
Tỷ lệ % trên tổng số doanh nghiệp	75,0	25,0	70,9	26,8	1,2
Số lao động trung bình (người)	15,5	11,7	4,1	27,5	110,8
Tỷ lệ lao động nữ (%)	36,1	43,4	45,4	38,8	41,8
Tỷ lệ lao động đóng bảo hiểm (%)	35,0	35,9	33,9	40,7	53,7
Tỷ lệ lao động nữ được đóng BHXH (%)	40,0	39,6	35,8	47,7	61,6
Tỷ lệ lao động nam được đóng BHXH (%)	34,6	35,6	34,4	38,0	51,2
Nộp NSNN hàng năm/lao động (triệu/lao động)	24,2	24,9	22,3	30,1	62,3
Thu nhập LD (triệu/người/năm)	53,0	51,6	50,4	54,2	61,6
Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi (%)	57,6	54,3	49,2	67,1	73,3

Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

● **Thứ sáu**, DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội tốt. Chẳng hạn, DNNVV do phụ nữ làm chủ thu hút tỷ lệ lao động nữ cao hơn các DNNVV do nam làm chủ; tỷ lệ lao động được đóng bảo hiểm xã hội của các DNNVV do phụ nữ làm chủ cao hơn nhóm DNNVV khác, mặc dù sự khác biệt chỉ là 1%.

● **Thứ bảy**, DNNVV do phụ nữ làm chủ

liêm chính hơn so với đồng nghiệp nam. Kết quả khảo sát trong PCI 2015 cho thấy 66,3% doanh nghiệp do nam làm chủ trả chi phí không chính thức để bơi trơn, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp do nữ làm chủ thực hiện việc bơi trơn ở mức 61,4%. Doanh nghiệp do nam làm chủ sẵn sàng bơi trơn với khoản chi phí lớn hơn, ví dụ tỷ lệ doanh nghiệp do nam làm chủ chi không chính thức trong năm lớn hơn 10% doanh thu chiếm

12,3% trong khi đó tỷ lệ này của doanh nghiệp do nữ làm chủ là 8,9% (VCCI và USAID, 2015a). Mặc dù sự khác biệt không quá lớn nhưng doanh nghiệp do

phụ nữ dường như liên chính hơn và ít mạo hiểm hơn khi sử dụng các khoản chi không chính thức.

3.4. Những trở ngại chính của DNNVV do phụ nữ làm chủ

Như đã đề cập, DNNVV do phụ nữ làm chủ có vai trò quan trọng đối với giải quyết việc làm, tạo thu nhập, nâng cao vị thế phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới. Tuy nhiên, bản thân các DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều trở ngại trong quá trình hình thành và phát triển. Kết quả là các DNNVV do phụ nữ quản lý có kết quả kinh doanh thấp hơn các DNNVV do các đồng nghiệp nam quản lý. Xét trên một số khía cạnh như thu nhập trung bình của người lao động hàng năm, hay tỷ lệ doanh nghiệp làm ăn có lãi,... rõ ràng các DNNVV do phụ nữ làm chủ có các chỉ tiêu này thấp hơn. Kết quả này ngụ ý rằng các DNNVV do phụ nữ quản lý là những doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh hơn so với các doanh nghiệp do nam quản lý (xem thêm trong Bảng 5). Từ phỏng vấn các DNNVV do phụ nữ làm chủ và thảo luận nhóm với các nữ doanh nhân, một số bất lợi chính của

nữ doanh nhân đã được chỉ ra như sau:

- Thiếu kiến thức kỹ năng bao gồm kiến thức quản trị doanh nghiệp, nhân sự, tài chính, marketing... Khi khởi sự, chủ các DNNVV chỉ tập trung chuẩn bị các điều kiện thành lập và đưa doanh nghiệp vào hoạt động. Theo thời gian, các yêu cầu mới phát sinh như quản trị, quản lý tài chính, marketing... đã gây ra những khoảng trống trong quản lý và điều hành doanh nghiệp của các nữ doanh nhân.

“Thiếu gì ư? Chúng tôi là lãnh đạo công ty đấy nhưng còn thiếu nhiều thứ lắm: kiến thức quản trị công ty, thông tin thị trường, nguồn lực, xúc tiến thương mại... Động tới cái gì là thấy mình thiếu cái đó.”

[Ý kiến của một nữ chủ doanh nghiệp]

- Khó tiếp cận các nguồn lực và thị trường. Các DNNVV do phụ nữ làm chủ thường có quy mô siêu nhỏ và nhỏ nên việc vay vốn là khá khó khăn vì không có tài sản sản thế chấp phù hợp, hoặc không có sự ủng hộ của người chồng và gia đình trong quá trình vay vốn.

“Tôi mang sổ đỏ thế chấp ngân hàng để vay vốn. Họ yêu cầu chồng tôi phải đến và ký vào hồ sơ. Ông ấy đã không ủng hộ tôi làm kinh doanh, bây giờ làm thế nào để ông ấy ký được”.

[Ý kiến trả lời phỏng vấn của nữ doanh nhân]

- Ít có cơ hội tham gia xúc tiến thương mại. Hàng năm, thường chỉ có một tỷ lệ nhỏ DNNVV do phụ nữ làm chủ được tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại của trung ương và địa phương. Lý do là vì các doanh nhân nữ ít thông tin hơn do họ có ít mối quan hệ và ít “giao lưu” hơn các đồng nghiệp nam. Ví dụ, khảo sát PCI năm 2015 cho thấy 30% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ không biết về Hiệp định đối

tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) (so với 21% doanh nghiệp do nam làm chủ không biết vấn đề này).

- Bất lợi trong xây dựng và phát triển mạng lưới kinh doanh. Điều này là rất rõ trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam khi thị trường chưa đầy đủ và nền kinh tế thị trường còn ở giai đoạn ban đầu.

“Quan hệ khách hàng và xây dựng mạng lưới kinh doanh yếu lắm. Chúng tôi [phụ nữ] không biết bia rượu, không đánh golf, và không giao lưu được”.

[Ý kiến của một nữ chủ doanh nghiệp]

“Khi sinh con, tôi phải mất gần 3 năm để phát triển lại mạng lưới kinh doanh như trước”.

[Ý kiến phỏng vấn của một nữ chủ doanh nghiệp]

- Ngoài ra, nữ doanh nhân còn phải cân bằng công việc quản lý doanh nghiệp với gia đình và phải vượt qua những trở ngại văn hóa. Dù đã được cải thiện vẫn còn tồn tại tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” ở Việt Nam, coi việc kinh doanh không phải là việc của phụ nữ.

- Hơn nữa, vai trò và trách nhiệm của phụ nữ bị gán nhiều hơn với thiên hướng gia đình, với thiên chức sinh đẻ và chăm sóc con cái, vun vén hạnh phúc gia đình. Điều này khiến nữ doanh nhân có ít thời gian hơn nam doanh nhân trong việc kinh doanh và như vậy sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Kết quả này cũng được chia sẻ bởi các nữ chủ DNNVV tham gia thảo luận nhóm.

“Mình làm kinh doanh thành đạt mà con cái hư hỏng thì coi như vứt đi rồi”. [Ý kiến của một nữ chủ doanh nghiệp trong thảo luận nhóm]

“Chúng tôi phải lo từ củ hành, bát nước mắm,... tới hội nhập quốc tế. Gia đình không hòa thuận, con cái hư hỏng thì thành công chẳng ý nghĩa gì”. [Ý kiến của một nữ chủ doanh nghiệp]

trong thảo luận nhóm]

“Quản lý cả trăm công nhân nhưng về nhà vẫn phải chiều chồng, chăm con. Đó là chuẩn mực văn hóa rồi. Chồng không ủng hộ là chết luôn”. [Ý kiến phỏng vấn của một nữ chủ doanh nghiệp]

- Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ gặp trở ngại trong cuộc sống gia đình và tìm người kế nghiệp. Các nghiên cứu quốc tế phụ nữ sống ly thân hoặc li dị sau khi họ bắt đầu kinh doanh cho thấy tỷ lệ khá cao. Ở Việt Nam, theo ước lượng không chính thức của VCCI, tỷ lệ doanh nhân nữ ly dị, ly thân và độc thân chiếm tới 70%. Đây là một vấn đề xã hội lớn có ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Do những trở ngại về văn hóa, yêu cầu công việc kinh doanh và đặc điểm của phụ nữ trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, con gái trong gia đình thường không mong muốn kế nghiệp sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bởi công việc quá bận rộn, cân đối công việc kinh doanh và gia đình không dễ dàng. Giáo dục nâng cao hơn nhận thức và chia sẻ gánh nặng của nữ doanh nhân tới các trẻ em gái là một yêu cầu để vượt qua trở ngại này.

Như vậy, DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam có đóng góp tích cực cho giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đóng góp cho ngân sách nhà nước và tăng trưởng kinh tế, từ đó làm tăng vị thế của phụ nữ và giảm bất bình đẳng giới. Tuy nhiên, hiện nay DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam có những hạn chế nhất định trong phát triển bởi những trở ngại của bản thân nữ doanh nhân. Hỗ trợ những DNNVV do phụ nữ làm chủ cùng phát triển là một yêu cầu thực tiễn đặt ra trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam và phù hợp với kinh nghiệm quốc tế.

3.5. Khung pháp luật và thực thi chính sách về DNNVV do phụ nữ làm chủ

Ghi nhận sự đóng góp của phụ nữ trong nền kinh tế xã hội nói chung và của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng như những khó khăn, thách thức mà phụ nữ có thể phải đối mặt trong quá trình hoạt động kinh tế, từ những năm 90 của thế kỷ trước, Chính phủ Việt Nam đã đề cập tới việc hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Văn bản pháp quy đầu tiên đề cập tới ưu tiên hỗ trợ phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ được đề cập trong Nghị định 90/2001/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV, trong đó có nêu "...chú trọng ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do doanh nhân nữ quản lý". Nội dung này cũng được khẳng định lại trong Nghị định 56/2009/NĐ-CP. Tuy nhiên, đây là hai văn bản pháp quy duy nhất nói về trợ giúp DNNVV do phụ nữ làm chủ cho đến thời điểm hiện tại ở Việt Nam. Cũng lưu ý rằng Nghị định 56/2009/NĐ-CP đang chuẩn bị được thay thế bởi Luật hỗ trợ DNNVV được trình Quốc hội vào tháng 10 năm 2016.

Tuy nhiên, kể từ khi Nghị định 90/2001/NĐ-CP ra đời và sau đó thay thế bằng Nghị định 56/2009/NĐ-CP cho tới hiện tại, chưa có DNNVV do phụ nữ làm chủ nào được hưởng ưu đãi hay hỗ trợ từ quy định này. Các cuộc phỏng vấn với cán bộ công chức ở các bộ, sở liên quan và với các DNNVV do phụ nữ làm chủ đã cho thấy một số nguyên nhân cơ bản sau:

- **Thứ nhất**, chưa có một quy định/định nghĩa chính thức như thế nào là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. Chính vì vậy, các quy định trong Nghị định 56/2009/NĐ-CP liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ không tìm ra được đối tượng hưởng ưu đãi và các chương trình ưu tiên theo Nghị định này.
- **Thứ hai**, quy định trong Nghị định 56/2009/NĐ-CP liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ không có hướng dẫn nên không triển khai được. Cụ thể, trong Nghị định 56/2009/NĐ-CP chỉ có đề cập một câu liên quan tới hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ:

“...Ưu tiên chương trình trợ giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ”. Bản thân các cơ quan không biết DNNVV do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nào, được ưu tiên những gì, triển khai như thế nào, cơ quan nào phải chịu trách nhiệm triển khai, nguồn lực từ đâu...

“Không rõ đối tượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nào. Đối tượng hỗ trợ không biết, ưu tiên cái gì không rõ, cơ quan nào phải có trách nhiệm không rõ, nguồn lực từ đâu,.... Cái gì cũng không rõ, triển khai thế nào?”

[Ý kiến cán bộ công chức cấp sở]

“Nói như trong Nghị định thì đề cập cũng như không. Bản thân cơ quan quản lý trực tiếp và doanh nghiệp chẳng biết đường nào mà thực hiện” [Ý kiến cán bộ công chức cấp sở]

● **Thứ ba**, các DNNVV có phụ nữ

làm chủ cũng không rõ là mình có thuộc đối tượng được ưu tiên hay không. Có những DNNVV không biết đến có chương trình ưu tiên được quy định trong văn bản pháp luật. Bên cạnh đó, cũng có DNNVV do phụ nữ quản lý biết có quy định nhưng không chắc chắn mình là đối tượng được hưởng các chương trình ưu tiên cho DNNVV do phụ nữ làm chủ. Trợ giúp từ Hiệp hội nữ doanh nhân về cung cấp thông tin này cũng còn những giới hạn vì chưa được coi là một kênh cung cấp thông tin chính thức.

“Tôi có hỏi các anh bên Sở Kế hoạch, các anh ấy nói không có hướng dẫn. Hiện tại, tôi cũng không rõ doanh nghiệp của tôi có phải là doanh nghiệp do nữ làm chủ không nữa”.

[Nữ giám đốc DNNVV]

Hiệp hội cũng quan tâm và cũng phù hợp với mục tiêu của hội. Tuy nhiên, hiện nay thông tin qua Hiệp hội chưa trở thành một kênh tiếp nhận và truyền thông chính thức.

*[Ý kiến đại diện Hiệp hội
nữ doanh nhân]*

● **Thứ tư**, tồn tại quan điểm rằng doanh nhân nữ (nữ chủ doanh nghiệp) cũng là người lao động và DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng là DNNVV nên không cần thiết phải hỗ trợ, ưu tiên riêng cho đối tượng DNNVV do phụ nữ làm chủ. Đây cũng là một trong các lý do giải thích tại sao không có các hướng dẫn triển khai các ưu đãi hỗ trợ phát triển các DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam thời gian qua.

*“Quan điểm của chúng tôi là nữ chủ doanh nghiệp cũng là người lao động nữ, họ làm nghề quản lý doanh nghiệp. Còn DNNVV do phụ nữ làm chủ thì cũng là DNNVV và hưởng ưu đãi theo Nghị định 56 là phù hợp”.
[Ý kiến của lãnh đạo cấp Vụ,
Bộ Lao động Thương binh và Xã*

hội]

“Có nhiều việc cần ưu tiên hơn trong bối cảnh chi tiêu công bị cắt giảm. Các ưu tiên khác giải quyết xong sẽ đến nó [hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ]”

[Ý kiến cá nhân của thành viên Ban soạn thảo Luật Hỗ trợ DNNVV]

Tóm lại, các nội dung chính sách liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ chỉ dừng ở mức đưa ra quy định, chứ chưa có hướng dẫn triển khai cũng như định nghĩa về “do phụ nữ làm chủ”. Bên cạnh đó, các chính sách này đã ra đời được một thời gian dài, nhưng triển khai các quy định này trong thực tế vẫn chưa diễn ra. Vì vậy, xây dựng và triển khai thực hiện được chính sách liên quan tới hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ là yêu cầu tiếp tục được đặt ra cho công tác soạn thảo Luật hỗ trợ DNNVV.

3.6. Nhận xét chung về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam

Kết quả nghiên cứu về DNNVV do phụ nữ làm chủ và chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam đã khẳng định tiềm năng to lớn của các doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, còn nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết hoặc tháo gỡ nhằm thúc đẩy sự phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ, tăng cường sự đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội. Từ kết quả thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu các DNNVV do phụ nữ làm chủ trong mẫu nghiên cứu, một số kết quả chính có thể được nhấn mạnh như sau:

DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, hoạt động chủ yếu trong khu vực dịch vụ. Các đặc điểm này cũng khá tương đồng với các đặc điểm của DNNVV do phụ nữ làm chủ ở các nước trong nghiên cứu của IFC (2014).

DNNVV do phụ nữ làm chủ có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam. Kết quả nghiên

cứu cho thấy DNNVV do phụ nữ làm chủ chiếm ¼ số DNNVV đang hoạt động ở Việt Nam, một tỷ trọng cao hơn nhiều so với các nước ở khu vực Nam Á, Trung Đông, Bắc Phi, và Cận Sahara. Các doanh nghiệp này có đóng góp tích cực trong giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, có đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ở khía cạnh xã hội, DNNVV do phụ nữ làm chủ giúp giải quyết việc làm cho lao động nữ đã giúp nâng cao vị thế của phụ nữ, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. DNNVV do phụ nữ làm chủ thực hiện chính sách và trách nhiệm xã hội thường tốt hơn các doanh nghiệp khác.

Chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ đã được ban hành nhưng không thể triển khai thực hiện. Chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ được ban hành mới chỉ đề cập một cách chung chung, không có hướng dẫn thực hiện. Có nhiều lý do dẫn tới tình trạng này, nhưng tập trung

ở hai lý do chính:

- Chưa có quy định/định nghĩa chính thức thế nào là DNNVV do phụ nữ làm chủ. Điều này dẫn tới cơ quan quản lý không biết tuyên truyền, vận dụng chính sách xuống đối tượng nào; còn doanh nghiệp thì không biết mình có phải là đối tượng DNNVV do phụ nữ làm chủ hay không để thực hiện.
- Các cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành chính sách cho rằng không cần có chính sách riêng về hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Lý do đưa ra là doanh nhân nữ cũng là người lao động nên đã có Luật lao động và các văn bản luật khác quy định; còn DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng là DNNVV và được hưởng chính sách như là các DNNVV.

DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều trở ngại trong quá trình phát triển.

Các trở ngại chung mà các doanh nhân nữ đều khẳng định như thiếu kiến thức kỹ năng, thiếu thông tin thị trường, nguồn lực, xúc tiến thương mại, xây

dựng và phát triển mạng lưới. Ngoài ra, doanh nhân nữ ở Việt Nam còn có những trở ngại riêng như cân bằng công việc kinh doanh và gia đình (giữ gìn hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái), những hạn chế trong quan hệ đối tác và mạng lưới kinh doanh (giao lưu). Nếu những vấn đề này không được giải quyết thấu đáo thúc đẩy DNNVV do phụ nữ làm chủ phát triển thì sẽ làm giảm tiềm năng và vai trò của các doanh nghiệp này đối với tăng trưởng kinh tế xã hội, nhất là các lĩnh vực xã hội.

Vai trò của hiệp hội nữ doanh nhân trong hỗ trợ phát triển của DNNVV do phụ nữ làm chủ còn hạn chế.

Các hiệp hội chưa được coi là kênh thu nhận và truyền bá thông tin chính thức và chưa được hỏi ý kiến trong xây dựng các chương trình hỗ trợ, trợ giúp DNNVV và DNNVV do phụ nữ làm chủ. Tăng cường hơn nữa vai trò của hiệp hội trong lĩnh vực này, nhất là đối với các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ góp phần thúc đẩy sự phát triển của những doanh nghiệp này.

4. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

4.1. Cơ sở cho các khuyến nghị

DNNVV do phụ nữ làm chủ có tiềm năng phát triển, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế cũng như phát triển xã hội. Hỗ trợ phát triển của các DNNVV do phụ nữ làm chủ vừa thể hiện được việc ghi nhận vai trò của các doanh nghiệp này, thể hiện được sự tiến bộ trong thúc đẩy bình đẳng giới, phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và khả năng hội nhập quốc tế trong xây dựng chính sách. Các khuyến nghị của báo cáo này được đề xuất dựa trên cơ sở lý thuyết, thực tiễn và pháp lý trong bối cảnh ở Việt Nam.

Góc độ lý thuyết: Phụ nữ tham gia hoạt động kinh tế sẽ làm tăng chi phí cơ hội của việc ở nhà nội trợ, tăng vị thế kinh tế và xã hội của phụ nữ. Khi vị thế của phụ nữ tăng lên, đầu tư cho trẻ em gái (vào giáo dục, y tế,...) cũng sẽ tăng lên. Kết quả của quá trình này giúp tăng chất lượng nguồn nhân lực và cuối cùng làm tăng tiềm năng tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Vì vậy, hỗ trợ phát triển DNNVV do phụ nữ làm chủ vừa có mục tiêu hỗ trợ doanh

NGHIỆP VỪA CÓ MỤC TIÊU TĂNG TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRONG TƯƠNG LAI.

Cơ sở pháp lý: Các chính sách, quy định về bình đẳng giới của Việt Nam đã được xây dựng để thể hiện sự tiến bộ và khả năng hội nhập quốc tế trong xây dựng chính sách. Chẳng hạn, các công ước quốc tế liên quan tới quyền kinh tế của phụ nữ như Chương trình hành động Bắc Kinh năm 1995, Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1982;... các diễn đàn khu vực như Mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN năm 2014, Hội nghị Bộ trưởng APEC về DNNVV và phụ nữ năm 2013;... những công ước và chương trình hành động quốc tế mà Việt Nam tham gia cũng là một cơ sở pháp lý cho việc đề xuất các chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Ngoài ra, các chính sách liên quan tới DNNVV do phụ nữ làm chủ đã được Việt Nam đề cập cũng là cơ sở pháp lý cho việc đề xuất chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ

nữ làm chủ. Các cơ sở này bao gồm:

- Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới phải là các biện pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới thực chất và yêu cầu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế cũng là một quy định của Luật này.
- Nghị định 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV sắp tới sẽ được nâng lên thành Luật Hỗ trợ DNNVV. Kế thừa Nghị định 56/2009/NĐ-CP, Luật Hỗ trợ DNNVV nên quy định rõ hơn về DNNVV do phụ nữ làm chủ và có các chính sách hỗ trợ nhóm doanh nghiệp này.
- Mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020 (Quyết định số 2531/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ) xác định đến năm 2015 tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đạt 30% và đạt từ 35% trở lên vào năm 2020, đồng thời tăng cường việc thực hiện các chính sách, pháp luật thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

Cơ sở thực tiễn: DNNVV do phụ nữ làm chủ là một bộ phận quan trọng trong các doanh nghiệp Việt Nam, có đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, các DNNVV do phụ nữ làm chủ hiện gặp nhiều trở ngại trong quá trình phát triển, bao gồm cả trở ngại chung (có thể cho cả doanh nhân nam và nữ) và những trở ngại riêng của doanh nhân nữ. Chính vì vậy, hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ để doanh nghiệp này vượt qua những trở ngại mà bản thân các doanh nhân nữ gặp phải giúp tăng cường cả vai trò và vị thế của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ cũng như vị thế của phụ nữ trong xã hội. Hơn nữa, theo một nghiên cứu khác của MBI, chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ cũng được quy định rộng khắp, ví dụ có 18 quốc gia và Châu Âu có các quy định pháp luật về hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ. Như vậy, hỗ trợ các DNNVV do phụ nữ làm chủ hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm của thế giới và thực tiễn Việt Nam.

Như vậy, lý thuyết, thực tiễn và cơ sở pháp lý hiện hành đều khẳng định sự cần thiết hỗ trợ phát triển các DNNVV do phụ nữ làm chủ nhằm tăng cường

vai trò của các doanh nghiệp này, tăng cường vị thế của phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới và thực hiện các mục tiêu trong Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020. Vì vậy, khuyến khích hỗ trợ phát triển DNNVV

do phụ nữ làm chủ nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, thể hiện sự ưu việt và văn minh của các chính sách pháp luật hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ và phù hợp với thực tiễn Việt Nam cũng như kinh nghiệm quốc tế.

4.2. Khuyến nghị chính sách



Trên cơ sở pháp lý và những đánh giá về khung chính sách cũng như thực thi chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ đã được nêu ra trên đây, một số khuyến nghị chính sách được đưa ra bao gồm:

Quy định/định nghĩa về DNNVV do phụ nữ làm chủ. Trước hết, khái niệm “phụ nữ làm chủ” cần được làm rõ trong các văn bản pháp luật, làm cơ sở cho các chính sách hỗ trợ. Các nhà hoạch định chính sách vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu thực tiễn quốc tế và áp dụng khái niệm phù hợp với Việt Nam. Nhóm nghiên cứu khuyến nghị định nghĩa về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ nên xác định rõ đó phải là *các doanh nghiệp có vốn sở hữu của phụ nữ chiếm ít nhất 26% và do phụ nữ quản lý điều hành hằng ngày*. Đây là khái niệm do IFC sử dụng và phù hợp với bối cảnh Việt Nam và sẽ loại bỏ được các trường hợp doanh nghiệp dễ dàng thuê các giám đốc nữ để hưởng những ưu đãi có thể có.

DNNVV do phụ nữ làm chủ được quy định là một đối tượng độc lập hưởng hỗ trợ của Luật Hỗ trợ DNNVV. Việc xây dựng và ban hành Luật Hỗ trợ DNNVV nhằm thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp này, khai thác tiềm năng to lớn mà các doanh nghiệp này mang lại. Là một bộ phận của DNNVV, nhưng DNNVV do phụ nữ làm chủ có những trở ngại nhất định và cần có hỗ trợ để vượt qua. Chỉ khi là một đối tượng riêng được quy định trong văn bản pháp luật

thì các chính sách hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ mới rõ ràng và hướng đích.



Các nội dung hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ bao gồm:

- **Bồi dưỡng DNNVV do phụ nữ làm chủ:** Kiến thức bồi dưỡng bao gồm quản trị và mô hình quản trị, quản lý nhân sự, tài chính, marketing, lập kế hoạch kinh doanh,... Những hỗ trợ bồi dưỡng này nên được thực hiện thông qua các Hiệp hội doanh nhân nữ, là tổ chức gần và nắm sát nhất nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của các doanh nghiệp thành viên.

- **Cung cấp thông tin nguồn lực, chính sách và thị trường.** Các hình thức phù hợp bao gồm công khai, phổ biến văn bản pháp luật mới, thực hiện đối thoại chính sách thường xuyên với các DNNVV và các hiệp hội liên quan, soạn thảo và phổ biến các bộ công cụ, tài liệu hướng dẫn pháp luật, lập đường dây thông tin chính sách, thị trường, và tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, đối thoại chính sách,... nhằm cung cấp thông tin tới DNNVV do phụ nữ làm chủ.

- **Có chính sách tạo điều kiện dễ dàng hơn cho DNNVV do phụ nữ làm chủ vay vốn.** Với các quỹ phát triển doanh nghiệp của Trung ương và địa phương, nên có ưu tiên một tỷ lệ nhất định dành cho DNNVV do phụ nữ làm chủ. Đối với các khoản vốn vay từ ngân hàng thương mại, các ngân hàng thương mại nên thiết kế các sản phẩm phù hợp với đối tượng là các DNNVV do phụ nữ làm chủ.

- **Hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ xây dựng mạng lưới kinh doanh và thực hiện xúc tiến thương mại.** Cách làm là đảm bảo tỷ lệ nhất định về DNNVV do phụ nữ làm chủ trong tiếp cận thị trường và nguồn lực hiện tại đã dành cho các DNNVV. Về hình thức, có

thể quy định tỷ lệ phần trăm nhất định bắt buộc dành cho đối tượng DNNVV do phụ nữ làm chủ trong các hoạt động xúc tiến thương mại, tiếp cận các nguồn lực và vốn vay từ các quỹ của trung ương và địa phương.

- **Vinh danh và ghi nhận đóng góp DNNVV do phụ nữ làm chủ.** Về hình thức, Nhà nước cần đứng ra thực hiện định kỳ và công tâm, đảm bảo sự ghi nhận các đóng góp của phụ nữ trong phát triển DNNVV, góp phần ủng hộ thúc đẩy phụ nữ tham gia phát triển kinh tế xã hội.

- **Tăng cường vai trò của các hiệp hội doanh nhân nữ/Câu lạc bộ doanh nhân nữ.** Nên hỗ trợ phát triển các đơn vị này thành cầu nối để triển khai các hỗ trợ của Nhà nước đối với các DNNVV do phụ nữ làm chủ. Các hoạt động hỗ trợ cụ thể bao gồm:

- Tăng cường vai trò của hiệp hội/câu lạc bộ doanh nhân nữ trong hỗ trợ thông tin thị trường, pháp luật cho doanh nghiệp;

- Tăng cường vai trò của Hiệp hội trong nâng cao năng lực của các doanh nghiệp thông qua cung cấp dịch vụ đào tạo tới các doanh nghiệp;

- Tăng cường vai trò của Hiệp hội trong điều phối tiếp cận các nguồn lực cho doanh nghiệp.



● **Giáo dục thế hệ trẻ về vai trò của doanh nhân nữ cũng như thái độ chia sẻ gánh nặng với doanh nhân nữ.** Đây là giải pháp trong dài hạn những cần được nghiên cứu triển khai càng sớm càng tốt. Nhà trường và xã hội giáo dục cho trẻ em (nhất là đối với trẻ em gái)

để chúng hiểu và có thái độ trong chia sẻ gánh nặng với người phụ nữ. Thông qua đó, xây dựng một thế hệ doanh nhân nữ mới có trình độ, kiến thức, kỹ năng kinh doanh và có thái độ chuyên nghiệp không định kiến về doanh nhân nữ trong tương lai gần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BIS (2013). *BIS Small Business Survey 2012*, Department for Business Innovation and Skills
- Global Entrepreneurship Monitor (2012). *2012 Women's Report*, Global Entrepreneurship Research Association
- Harding, R. (2007). *State of Women's Enterprise in the UK*, PROWESS, Norwich NR3 1DJ
- IFC (2011). *Strengthening Access to Finance for Women-Owned SMEs in Developing Countries*, Washington, DC 20433
- IFC (2012). *IFC and Small and Medium Enterprises*, IFC Issue Brief http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/277d1680486a831abec2fff995bd23db/AM11IFC+IssueBrief_SME.pdf?MOD=AJPERES [accessing on July 15, 2016]
- IFC (2014a). *Improving Access to Finance for Women-owned Businesses in India*, International Finance Corporation and Government of Japan
- IFC(2014b). *Women-owned SMEs: A business opportunity for Financial Institutions*, International Finance Corporation
- Kitching, B. and Woldie, A. (2004). *Female Entrepreneurs in Transitional Economies: a comparative study of Businesswomen in Nigeria and China*. In Proceedings Hawaii International Conference on Business, Honolulu, Hawaii
- OECD (2012). *Share, size and industry of women-owned enterprises, in Entrepreneurship at a Glance 2012*, OECD Publishing
- OECD (2014). *Women, Government and Policy Making in OECD Countries: Fostering Diversity for Inclusive Growth*, DOI 10.1787/9789264210745-en
- SBA (2016). *The Women-Owned Small Business Federal Contract Program*. <https://www.sba.gov/contracting/government-contracting-programs/women-owned-small-businesses/what-you-need-know-if-you-are-women-owned-small-business>

- SMBA (2009). *Act on support for female-owned business*. <http://www.smba.go.kr/eng/smes/laws.do?mc=usr0001162> [accessing on July 15, 2016]
- Todaro, M. and Smith, S. (2014). *Economic Development, 12th Edition, New York: Pearson Publishing*
- USDC and ESA (2010). *Women owned business in the 21st century*, Department of Commerce, United States of America
- VCCI và USAID (2015a). *Dữ liệu từ khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2015*, Báo cáo khảo sát
- VCCI và USAID (2015b). *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2015*, <http://pcivietnam.org/tailieu/Ho%20so%2063%20tinh,%20thanh%20pho%20VN.pdf>
- World Bank (2015). *The Enterprise Survey: Gender*, <http://www.enterprisesurveys.org/data/exploretopics/gender> [accessing on July 15, 2016]

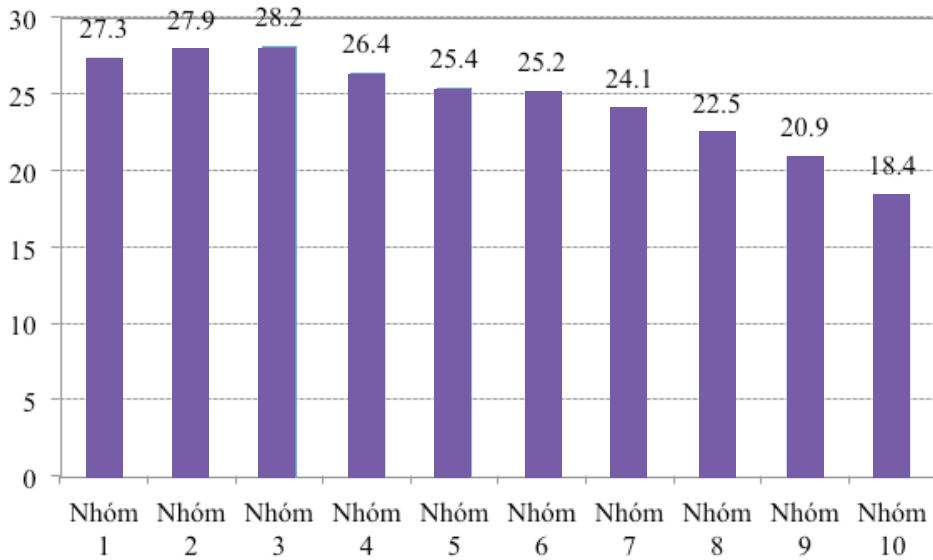
PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Số lượng DNNVV do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam theo ngành và quy mô, 2013

	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo ngành	93.224	100
Nông nghiệp	948	1,0
Công nghiệp	35.044	37,6
Dịch vụ	57.232	61,4
Theo quy mô	93.224	100
Siêu nhỏ	66.821	71,7
Nhỏ	25.278	27,1
Vừa	1.125	1,2

Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

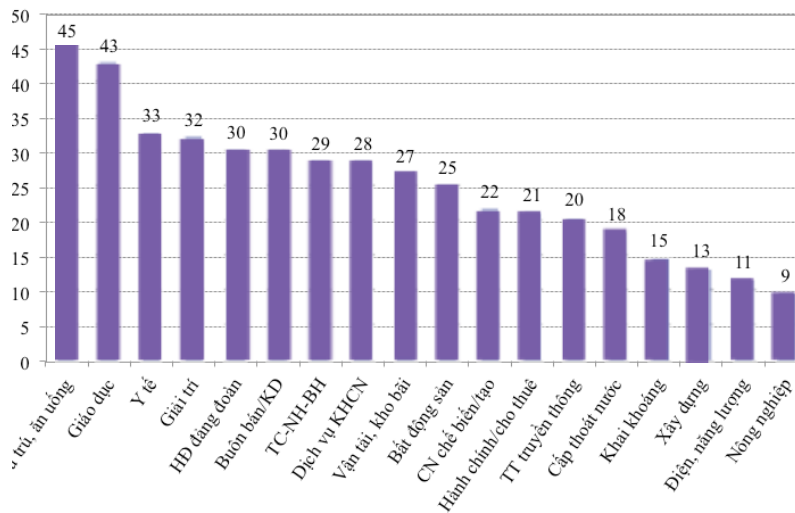
Phụ lục 2: Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ theo quy mô doanh nghiệp tăng dần



Ghi chú: Các nhóm 1, 2,...10 là 10 nhóm 10% (mười nhóm phân vị) doanh nghiệp có quy mô tăng dần theo lao động.

Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

Phụ lục 3: Tỷ lệ DNNVV do phụ nữ làm chủ theo từng ngành, 2013



Nguồn: Tính toán từ Khảo sát doanh nghiệp 2013

Phụ lục 4: Danh sách các đơn vị tham gia phỏng vấn

Số TT	Tên cơ quan	Cấp/địa phương
1.	Vụ Bảo hiểm Xã hội	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
2.	Cục Phát triển Doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3.	Vụ Bình đẳng giới	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
4.	Tổng cục thuế	Tổng cục
5.	Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
7.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
8.	Cục thuế thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
9.	Trung tâm Dịch vụ việc làm Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ
10.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Thành phố Hà Nội
11.	Hiệp hội Nữ DNNVV thành phố Hà nội	Thành phố Hà Nội
12.	Hội nữ doanh nhân thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ lục 5: Danh mục văn bản pháp luật rà soát

Tên	Trích yếu	
Luật số 73/2006/QH11	Luật Bình đẳng giới	Quốc hội
Luật số 38/2013/QH13	Luật Việc làm	Quốc hội
Nghị định 56/2009	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nghị định Chính phủ
Quyết định 2531/QĐ-TTg	Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011–2020	Thủ tướng Chính phủ
Tuyên bố	Tuyên bố và hành động Bắc Kinh năm 1995	Việt Nam đã tham gia
Công ước quốc tế	Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ	Việt Nam phê chuẩn năm 1982
Liên hợp quốc	Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)	Việt Nam đã tham gia
Diễn đàn	Mạng lưới doanh nhân nữ ASEAN	Việt Nam đã tham gia
Nghị quyết	Hội nghị Bộ trưởng APEC về DNNVV và phụ nữ năm 2013	Việt Nam đã tham gia